TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 300/2017/HSPT
Ngày: 18/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 271/2017/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Lê Minh T.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2017/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân TP. C.

Bị cáo có kháng cáo:

LÊ MINH T

- Sinh năm 1992;

- HKTT và chỗ ở: A, ấp Hòa M, xã Hòa A1, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp;

- Nghề nghiệp: Kỹ thuật viên;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Trình độ học vấn: 12/12;

- Con ông Lê Thanh P, sinh năm 1971 và con bà Nghê Thị Tuyết V, sinh năm 1970;

- Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con lớn trong gia đình;

- Vợ, con: Chưa có;

- Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 10/5/2017;

- Tiền án, Tiền sự: Không;

- Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T: Luật sư Nguyễn H – Văn phòng luật sư H1, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bị hại: Nguyễn Trí C2, sinh năm 1956.

Địa chỉ: B, đường D, E, khóm F, phường G, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án người bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T là nhân viên kỹ thuật của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng M T1, Trụ sở đặt tại nhà riêng của ông Nguyễn Trí C2, là Giám đốc công ty. Địa chỉ: B, đường D, E, khóm F, phường G, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 12/4/2017, T chở ông Nguyễn Trí C2 đến Ban quản lý dự án xây dựng huyện C3 để lấy hồ sơ, khi đến cầu Rạch Dầu, thuộc xã An B1, huyện C3, T ghé vào quán cà phê để ông C2 uống nước. T một mình chạy xe xuống Ban quản lý dự án xây dựng huyện C3. Do có ý định trộm cắp tài sản từ trước nên T không đi nộp hồ sơ mà quay về Công ty M T1, vào nhà ông C2 bằng lối cửa sắt kéo do lúc đi T không khóa cửa. T quan sát thấy chìa khóa phòng ngủ ông C2 trên bệ cửa sổ nằm bên phải hành lang, T lấy mở cửa phòng ngủ. T vào trong phòng đi đến tủ gỗ dùng tay mở cửa tủ do cửa không khóa, sau đó lấy trộm tài sản gồm 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, 13 (mười ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đồng, 09 (chín) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000đồng, tổng cộng 5.283.000 đồng cất vào túi quần jean màu đen bên trái. T đi ra theo lối đã vào chạy xe đi lấy hồ sơ, rồi quay lại cầu Rạch Dầu rước ông C2 về công ty. Sau khi về nhà ông C2 phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an phường G, thành phố C1. Ngày 13/4/2017 Công an phường G mời T về trụ sở làm việc, T đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Trong quá trình điều tra chứng minh được ngoài lần trộm ngày 12/4/2017, T còn trộm tài sản của ông C2 09 lần khác, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng giữa tháng 2/2017, T đi ngang phòng ngủ của ông C2 ở tầng trệt, cửa phòng đang mở, T1 nhìn vào phòng thấy không có ai, két sắt đang mở, bên trong có tiền nên đi vào phòng đến két sắt và lấy 8 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đồng trong cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, trộm được tổng cộng 4.000.000đồng. Số tiền này T sử dụng 1.200.000đồng trả tiền mua điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, với giá khoảng 11 triệu đồng, số tiền còn lại T trả góp tại Thế giới di động thuộc phường Y, thành phố C1. Còn lại 2.800.000 đồng T tiêu xài hết. Sau đó T đã bán điện thoại này cho một người không rõ lai lịch tại quán cà phê Z thuộc phường G, thành phố C1 với giá 8.500.000 đồng.

Lần 2: Sau lần 01 khoảng 05 ngày, lợi dụng lúc trong nhà không có người, T đi lên tầng 1, thấy phòng sách cửa mở nên T đi vào trong đến tủ gỗ nằm kế bên cửa phòng, mở tủ lấy con heo đất màu vàng, bên ngoài có quấn băng keo màu xanh, T mở băng keo lấy bên trong con heo đất số tiền 3.000.000 đồng gồm 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đồng, 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng. Sau đó T đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Sau lần 02 khoảng 3 ngày, thấy trong nhà không có người, như lần hai T lấy trong con heo đất số tiền 3.800.000 đồng gồm 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng. Sau đó T đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 4: Sau lần 03 khoảng 10 ngày, lúc vợ chồng ông C2 đang ngủ, T đi vào phòng kho nằm sát vách phía trước phòng ngủ, lục tìm bóp tiền loại bóp da màu nâu đen trong túi quần ông C2 đang treo trên móc và lấy số tiền 500.000 đồng gồm hai (02) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng và một (01) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng. Sau đó T đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 5: Sau lần 04 khoảng 04 ngày (đầu tháng ba), cũng như lần 04, T lấy trong bóp của ông C2 một (01) tờ ngoại tệ mệnh giá 100 USD. T đem bán tờ ngoại tệ tại tiệm vàng M1 được 2.280.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

Lần 6: Khoảng giữa tháng 3/2017, T đi vào phòng ngủ của ông C2 ở tầng trệt, T mở cánh cửa phải của tủ gỗ và lấy 02 (hai) tờ ngoại tệ mệnh giá 10 đồng Singapore, 01 (một) tờ ngoại tệ mệnh giá 01 đồng Singapore, 02 (hai) tờ ngoại tệ mệnh giá 05 đồng Malaysia, 02 (hai) tờ ngoại tệ mệnh giá 01 USD, 03 (ba) tờ

ngoại tệ mệnh giá 02 USD và 05 (năm) tờ ngoại tệ mệnh giá 100 USD. Sau đó T đem bán ngoại tệ tại tiệm vàng M1 được 12.000.000 đồng. Tiền có được T đem tiêu xài cá nhân.

Lần 7: Sau lần 6 khoảng 7 ngày, T chở ông Cường đi công việc gần chợ O bằng xe mô tô hiệu honda Future màu nâu biển số 66F1-239.09 của ông C2, lợi dụng lúc không có người, T mở cốp xe mô tô lấy 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng trong cọc tiền 40.000.000 đồng đang để trong cốp xe, lấy số tiền 2.000.000 đồng. T dùng 1.600.000 đồng trả tiền điện thoại di động Samsung Galaxy A9 màu vàng mua trả góp tại cửa hàng FPT thuộc phường L, thành phố C1. T tiêu xài cá nhân hết 400.000 đồng còn lại.

Lần 8: Sau lần 7 khoảng 4 ngày, T đi vào phòng ngủ của ông C2 ở tầng trệt, mở cánh cửa phải của tủ gỗ và lấy 03 (ba) tờ ngoại tệ tiền mệnh giá 100 USD và 10 (mười) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đồng. T đem 300 USD bán cho tiệm vàng M được 6.860.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

Lần 9: Khoảng cuối tháng 3/2017, trong túi quần tây màu đen của ông C2 treo trong phòng kho, T lấy 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng và 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, tổng cộng 300.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết.

Theo công văn số 40 của Phòng Tài chính- Kế hoạch TP C1, ngày 17 tháng 5 năm 2017 xác định tỉ giá ngoại tệ như sau:

Ngày 01/3/2017, giá mua đô la Mỹ: 22.760VNĐ/USD. Trị giá 01 (một) tờ 100 đô la Mỹ là 2.276.000 VNĐ.

Ngày 15/3/2017, giá mua đô la Mỹ: 22.780 VNĐ/USD. Trị giá: 02 (hai) tờ ngoại tệ mệnh giá 01 Đô la Mỹ là 45.560 VNĐ; 03 (ba) tờ ngoại tệ mệnh giá 02 Đô la Mỹ là 136.680 VNĐ; 05 (năm) tờ ngoại tệ mệnh giá 100 Đô la Mỹ là 11.390.000 VNĐ. Giá mua đồng Singapore: 15.998 VNĐ/SGD, trị giá: 02 (hai) tờ 10 đồng Singapore là 319.960 VNĐ; 01 (một) tờ 01 đồng Singapore là 15.998 VNĐ. Không giao dịch đồng Malaysia. Tổng trị giá là 11.908.198 VNĐ.

Ngày 31/3/2017, giá mua đô la Mỹ: 22.710 VNĐ/USD. Trị giá 03 (ba) tờ 100 đô la Mỹ là 6.813.000 VNĐ.

Như vậy số tiền ngoại tệ theo xác định tỉ giá ngoại tệ tổng cộng là 20.997.198 Việt Nam đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà T đã chiếm đoạt của ông C2 là 40.023.000 đồng.

Căn cứ Biên bản và Kết luận định giá tài sản số 60/BB-ĐGTS ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9 màu vàng, số imel1: 352212080634988, imel2: 352212080634986 đã qua sử dụng có giá 10.441.000đồng. Tổng giá trị: 10.441.000đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của ông Nguyễn Trí C2 giao nộp 01 USB màu đỏ nhãn hiệu DT101 G2, loại 08GB dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp của Lê Minh T.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra xác định được số tài sản mà T trộm cắp là tài sản cá nhân của ông Nguyễn Trí C2. Bị hại Nguyễn Trí C2 đã nhận lại số tiền 21.200.000 đồng do bị cáo T khắc phục hậu quả và yêu cầu T bồi thường tiếp tục số tiền 19.000.000 đồng T thống nhất bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2017/HSST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Lê Minh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu hủy bỏ: 01 USB màu đỏ nhãn hiệu DT101 G2, loại 08GB dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp của Lê Minh T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, bị cáo Lê Minh T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, đề nghị: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Minh T, sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt và đề nghị giảm cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội là do bị cáo không am hiểu pháp luật, bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng không thuộc trường hợp phạm tội chuyên nghiệp. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo bồi thường xong phần dân

sự cho người bị hại và được người bị hại làm đơn xin cho bị cáo hưởng án treo. Từ những căn cứ trên, Luật sư đề Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến bào chữa Luật sư, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Lê Minh T được Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng M T1 thu vào làm nhiệm vụ là nhân viên kỹ thuật. Bị cáo được Công ty trả lương hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đ. Nhưng trong thời gian công tác bị cáo lại theo dõi ông Nguyễn Trí C2 (Giám đốc Công ty) để trộm cắp tài sản. Vào chiều ngày 12/4/2017, bị cáo chở ông C2 đến Ban quản lý dự án xây dựng huyện C3 để lấy hồ sơ, nhưng khi đi bị cáo lại chủ động khép cửa. Bị cáo không đi nộp hồ sơ mà quay về nhà lấy số tiền 5.283.000đ. Ngoài ra, bị cáo còn vào phòng làm việc của ông C2 từ tháng 02 năm 2017 đến ngày bị phát hiện đã 9 lần trộm tài sản của ông C2, tổng cộng số tiền 40.023.000đ. Trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục được 21.023.000đ, còn lại số tiền 19.000.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, Camera ghi lại và phù hợp các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Minh T là hết sức táo bạo và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã có công việc làm ổn định và có thu nhập lo cho bản thân nhưng bị cáo lại lợi dụng lòng tốt của người bị hại để chiếm đoạt tài sản nhiều lần. Trong khi bị cáo có trình độ học vấn, bị cáo là người am hiểu về pháp luật và nhận biết được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Nhưng bị cáo vẫn trộm cắp tài sản của người bị hại nhiều lần để có tiền tiêu xài xài theo sở thích cá nhân. Ngoài ra bị cáo trộm tài sản của người bị hại làm cho trong gia đình người bị hại nghi kỵ lẫn nhau nếu chưa phát hiện ra hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo phạm tội nhiều lần đủ cấu thành tội, là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự qui định. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần có thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại một phần, chưa có tiền án, tiền sự, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho

bị cáo và xử mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù là không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo, người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận. Nhưng xét thấy sau khi án sơ thẩm xử, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Trí C2 (người bị hại) thừa nhận có nhận từ bị cáo bồi thường số tiền 14.000.000đ. Do đó, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Riêng 01 USB màu đỏ nhãn hiệu DT101 G2, loại 08GB dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo Lê Minh T. Án sơ thẩm tuyên tịch thu hủy bỏ là không đúng theo qui định của pháp luật. Vì đây là chứng cứ của vụ án và đã thu giữ để trong hồ sơ vụ án nên cần sửa lại, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Minh T. Sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt và xử lý vật chứng.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu hồ sơ vụ án 01 USB màu đỏ nhãn hiệu DT101 G2, loại 08GB dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp của Lê Minh T (hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Lê Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (T. Em).